

常見餐廳單字中文小教室

學會這些用餐時的實用中文單字（羅馬拼音）
讓外食更輕鬆、滿意！



不加味精
[bù jiā wèi jīng]

醋
[cù]

醬油
[jiàng yóu]

少油
[shǎo yóu]



少鹽
[shǎo yàn]

糖
[táng]

調味料
[tiáo wèi liào]

套餐
[tào cān]

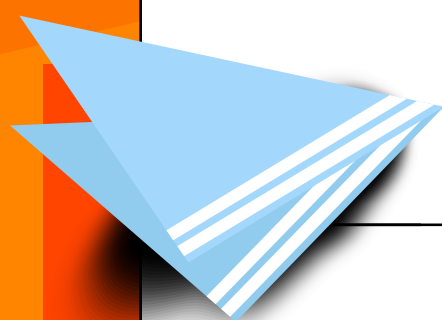


加購
[jiāgòu]

食材
[shícái]

紙巾
[zhǐ jīn]

廁所
[cèsuǒ]



禁用外食
[jìn yòng wài shí]



Common restaurant vocabulary

Chinese language classroom

Make going to restaurants easier and fun by learning these useful Chinese words (Pinyin)!



Do not add MSG
[bù jiā wèi jīng]

Vinegar
[cù]



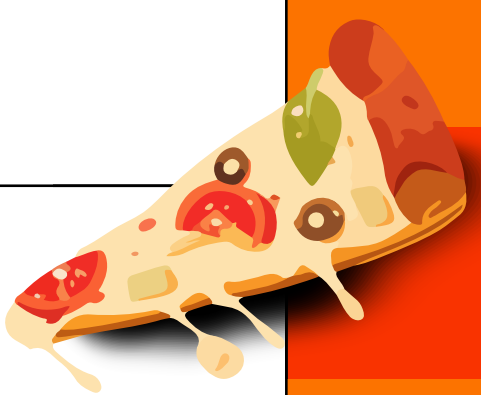
Soy sauce
[jiàng yóu]

Less oil
[shǎo yóu]



Less salt
[shǎo yàn]

sugar
[táng]

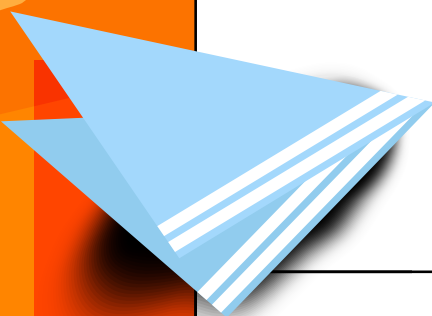


Seasoning
[tiáo wèi liào]

Set meal
[tào cān]

Additional purchase
[jiāgòu]

Ingredients
[shícái]



Tissues/napkins
[zhǐ jīn]

Bathroom
[cèsuǒ]

Outside food cannot be consumed on the premises
[jìn yòng wài shí]



Kelas Mandarin Kosakata Umum di Restoran

Pelajari kata-kata praktis Bahasa Mandarin ini (dengan ejaan Pinyin) untuk digunakan saat makan, makan di luar lebih mudah dan memuaskan!



Tidak pakai MSG
[bù jiā wèi jīng]

cuka
[cù]



Kecap asin
[jiàng yóu]

Sedikit minyak
[shǎo yóu]

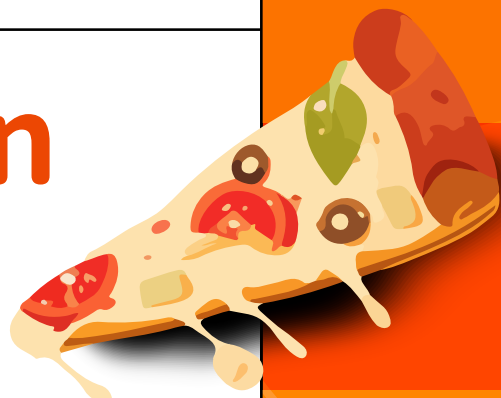
Sedikit Garam
[shǎo yàn]

Gula
[táng]



Bumbu penyedap
[tiáo wèi liào]

Paket makanan
[tào cān]

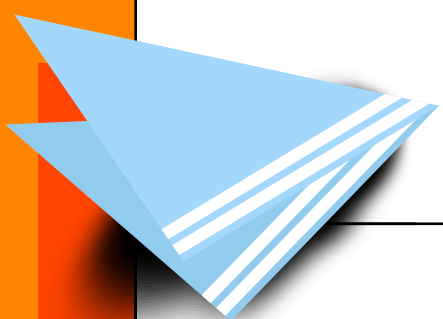


Tambahan Pembelian
[jiāgòu]

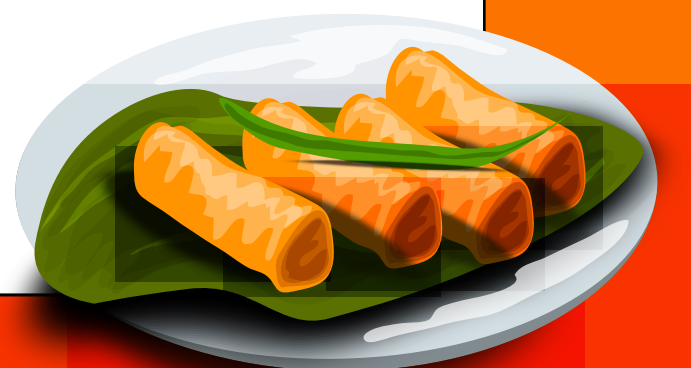
Bahan makanan
[shícái]

Tisu
[zhǐ jīn]

Toilet
[cèsuǒ]



Dilarang membawa makanan dari luar
[jìn yòng wài shí]



Lớp học tiếng Trung về từ vựng thường gặp trong nhà hàng

Học những từ tiếng Trung thực dụng (kèm phiên âm La-tinh) khi đi ăn uống, giúp bạn gọi món dễ dàng khi ăn ngoài!

Không cho bột ngọt
[bù jiā wèi jīng]

Giảm
[cù]

Xì dầu
[jiàng yóu]

Ít dầu
[shǎo yóu]

Ít muối
[shǎo yàn]

Đường
[táng]

Gia vị
[tiáo wèi liào]

Suất ăn
[tào cān]

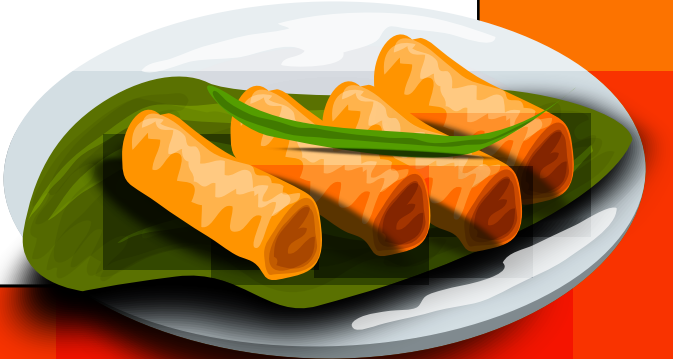
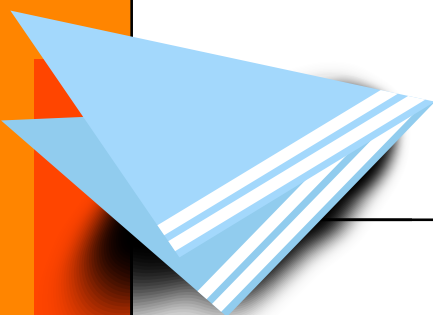
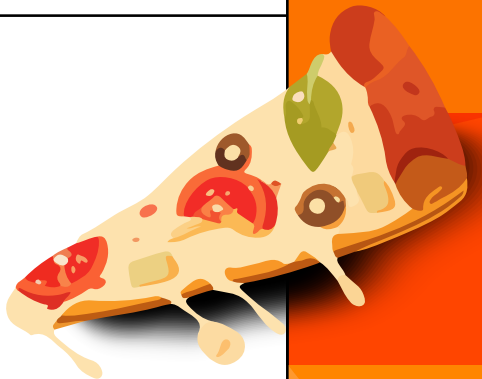
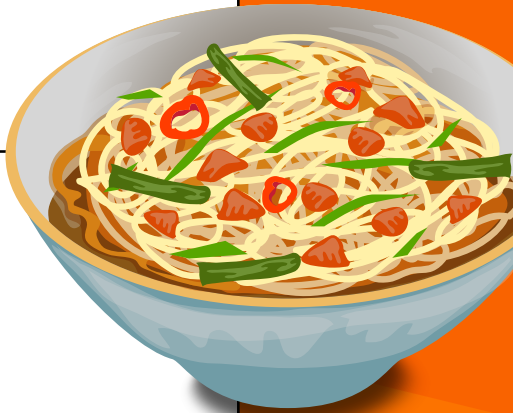
Mua thêm
[jiāgòu]

Nguyên liệu thực phẩm
[shícái]

Khăn giấy
[zhǐ jīn]

Nhà vệ sinh
[cèsuǒ]

Không được mang đồ ăn từ ngoài vào
[jìn yòng wài shí]



คำศัพท์ภาษาจีนที่พบบ่อยในร้านอาหาร

เรียนรู้คำศัพท์ภาษาจีนที่ใช้บ่อยขณะรับประทานอาหาร (พร้อมตัวสะกดพินอิน)

เพื่อให้การทานอาหารนอกบ้านของคุณ ง่ายดายและมีความสุขยิ่งขึ้น!



ไม่เติมผงชูรส
[bù jiā wèi jīng]

น้ำส้ม
[cù]



ซีอิ๊ว
[jiàng yóu]

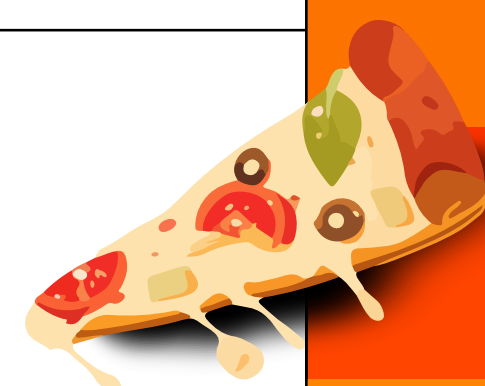
ลดน้ำมัน
[shǎo yóu]

ลดเกลือ
[shǎo yàn]

น้ำตาล
[táng]

เครื่องปรุงรส
[tiáo wèi liào]

อาหารชุด
[tào cān]



ซอสเพิ่ม
[jiāgòu]

วัตถุดิบอาหาร
[shícái]

กระดาษทิชชู
[zhǐ jīn]

ห้องน้ำ
[cèsuǒ]

ห้ามนำอาหารจากภายนอกเข้ามารับประทาน
[jìn yòng wài shí]

